

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 11
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	12
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	13
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	14
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	15 - 16
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	17
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	18 - 19
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	20 - 21
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	22 - 51

11802
CÔNG
TNH
ST &
IỆT
H NH
HÀ
KIỂM

11802
CÔNG
TNH
ST &
IỆT
H NH
HÀ
KIỂM

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom ("Quỹ") được thành lập ngày 8 tháng 9 năm 2015 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 19/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 08 tháng 09 năm 2015. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 60.653.750.000 VND, tương đương với 6.065.375,00 chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 1.459.116.212.800 VND, tương đương với 145.911.621,28 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tin dụng tốt. Trong nhiều trường hợp khác biệt, việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom được quản lý bởi Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn ("TNHH") Quản lý Quỹ Kỹ Thương (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 40/UBCK-GP ngày 21 tháng 10 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và theo các giấy phép điều chỉnh.

Công ty Quản lý Quỹ được sở hữu 100% bởi Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam ("Ngân hàng mẹ"), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong năm đến thời điểm hiện tại của Công ty Quản lý Quỹ là quản lý danh mục đầu tư và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật. Công ty có Trụ sở chính tại tầng 10, Tòa nhà Techcombank, số 191, Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Hồ Hùng Anh – chức danh Chủ tịch Hội đồng Thành viên.

Ông Đặng Lưu Dũng – chức danh Giám đốc được Ông Hồ Hùng Anh ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo Giấy ủy quyền số 01E/2015/UQ-CT ngày 1 năm 1 năm 2015.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà Đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

C.T.
G.TY
M.HỮU
L.Y.Q
UON
IG-T

2-00
TY
H
YOU
NAM
HÀNH
HỘI
-1-5

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Xuân Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2015
Ông Đặng Thế Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Vĩnh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2015
Ông Phan Lê Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2015 Từ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

T.N.
HẠN
UỶ
IG
R.M.

C.T.
NG
H.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, tình hình đầu tư giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo ý kiến của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, tình hình đầu tư giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Nguyễn Xuân Minh
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2017

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 Mục tiêu

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các các loại tín phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, giấy tờ có giá và các công cụ thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt. Công cụ có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp và các loại tài sản khác có lãi suất cố định. Trong nhiều trường hợp khác biệt, việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Quỹ.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên một đơn vị chứng chỉ quỹ của Quỹ là 3,94% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu kỳ báo cáo.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu tư. Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

Chiến lược đầu tư tạm thời khi các điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi cho các Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có thể đầu tư lên tới 100% (một trăm phần trăm) tài sản của Quỹ một cách thận trọng tạm thời, bằng việc nắm giữ toàn bộ hoặc phần lớn tài sản của Quỹ vào tiền gửi có kỳ hạn và các tài sản tương đương tiền, hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro.

Quỹ chủ yếu sẽ đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, Công ty Quản lý Quỹ đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các công ty đầu ngành và các công ty có triển vọng trở thành công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của công ty sẽ thực hiện đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.

Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống "Top-Down Approach", trong đó việc đầu tư và phân bổ trái phiếu sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của Nhà nước, ngành hưởng lợi cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên "Bottom Up Approach" trong việc lựa chọn từng trái phiếu cụ thể thông qua việc đánh giá đơn vị phát hành và các diễn biến riêng lẻ của các trái phiếu này trước tác động của khuynh hướng thị trường.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

1.4 Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Pháp luật.

1.5 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom được thành lập ngày 8 tháng 9 năm 2015.

1.6 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 1.459.116.212.800 VND, tương đương với 145.911.621,28 chứng chỉ quỹ.

1.7 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại Bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Lịch trình, kế hoạch phân chia lợi nhuận đã được thông qua phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ phải được sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ) hoặc được quy định cụ thể tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch.

Công ty Quản lý Quỹ sẽ gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân phối lợi nhuận của Quỹ trong đó có các nội dung về hình thức phân chia lợi nhuận; tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận; giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng đơn vị quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ), NAV trên đơn vị quỹ trước và sau khi phân phối lợi nhuận và các ảnh hưởng tác động đến NAV của Quỹ sau phân chia.

1.8 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong kỳ Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 Cơ cấu tài sản Quỹ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 %
Danh mục chứng khoán	48,41%	54,77%
Tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi	49,77%	43,75%
Tài sản khác	1,82%	1,48%
	100%	100%

2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	1.650.556.435.751	70.896.369.894
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	145.911.621,28	6.789.130,70
Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND)	11.312,02	10.442,62
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ (VND)	11.312,02	10.442,62
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ (VND)	10.887,06	10.167,46
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	8,33%	4,43%
- Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng
- Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	18,40%	8,10%
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Ngày chốt quyền	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	1,61%	3,11%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	205,20%	498,30%

2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm	8,33%	8,33%
Từ khi thành lập	13,12%	36,22%

2.4 Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Giai đoạn từ 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017	Giai đoạn từ khi thành lập đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tỷ lệ tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	8,33%	4,43%

Quý Đầu tư Trái phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

Kinh tế vĩ mô 6 tháng đầu năm 2017

Trong 6 tháng đầu năm 2017, GDP của Việt Nam tăng trưởng 5,73% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Quý II/2017 kinh tế Việt Nam chứng kiến sự tăng trưởng tích cực hơn so với Quý I nhưng vẫn thấp hơn kỳ vọng (tăng trưởng GDP Quý II đạt 6,17% YoY, so với tăng trưởng 5,15% YoY của Quý I/2017). Tác động chủ yếu đến từ lĩnh vực sản xuất và xây dựng khi 2 lĩnh vực này tương ứng đạt tốc độ tăng trưởng 10,52% và 8,5% YoY. Trong khi đó, ngành khai khoáng tiếp tục giảm đà tăng trưởng GDP (đạt -8,2% YoY). Nếu không tính đến sự sụt giảm này, GDP Việt Nam có thể đạt tăng trưởng 6,85% trong nửa đầu năm 2017, thể hiện bức tranh khá tích cực của nền kinh tế.

Cán cân thương mại hàng hóa Việt Nam 6 tháng đầu 2017 nhập siêu 2.7 tỷ USD, trong đó giá trị nhập khẩu đạt 100.5 tỷ USD (+24,1%YoY) và giá trị xuất khẩu đạt 97.8 tỷ USD (+18,9%YoY). Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu hàng hoá lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu nửa đầu năm 2017 đạt 19.6 tỷ USD (+9,5%YoY), theo sau bởi thị trường EU với 18.2 tỷ USD (+12,6%). Tuy nhiên, về tốc độ tăng trưởng, Trung Quốc là thị trường có tăng trưởng xuất khẩu cao nhất (tăng 42,5%YoY, tương đương 13 tỷ USD). Trong khi đó, hàng hoá nhập khẩu chủ yếu đến từ thị trường Châu Á với Trung Quốc và Hàn Quốc là 2 quốc gia có giá trị nhập khẩu vào Việt Nam lớn nhất (tương ứng đạt 27.1 tỷ USD và 22.5 tỷ USD). Về mặt cơ cấu hàng hoá, linh kiện điện thoại, dệt may là 2 mặt hàng xuất khẩu chủ lực (tương ứng đạt 20.1 tỷ USD và 11.6 tỷ USD), trong khi mặt hàng chủ yếu được nhập khẩu trong nửa đầu năm là máy móc thiết bị (18.4 tỷ USD) và điện tử, máy tính (16.2 tỷ USD).

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong 6 tháng đầu năm 2017 ước đạt 19.2 tỷ USD, tăng 54,8% so với cùng kỳ 2016. Về giải ngân, vốn FDI thực hiện đạt 7.7 tỷ USD, tăng 6,5% so với cùng kỳ. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và sản xuất phân phối chiếm tỷ trọng chủ yếu trong số các lĩnh vực thu hút vốn đầu tư nước ngoài (tương ứng chiếm 49,3% và 27,3%).

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm 2017 tăng 4,15% so với bình quân cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu do giá dịch vụ y tế và giáo dục tăng (+47,9% và +10% so với năm 2016). Bên cạnh các nguyên nhân làm tăng CPI trong 6 tháng đầu năm, có một số yếu tố góp phần kiềm chế như: Chỉ số giá nhóm thực phẩm giảm 1,74% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp mức giảm CPI chung 0,39%; giá thịt lợn giảm mạnh do nguồn cung dồi dào trong khi nhu cầu thu mua thịt lợn xuất khẩu sang Trung Quốc giảm.

Trong 6 tháng đầu năm, tăng trưởng huy động thấp hơn tăng trưởng tín dụng. Cụ thể, tăng trưởng tín dụng đạt 7,5% (cao hơn mức 6,2% so với cùng kỳ năm trước), trong khi tăng trưởng về nguồn vốn huy động và tổng Phương tiện thanh toán giảm 2-3% so với 6 tháng năm 2016.

Thị trường trái phiếu nửa đầu năm 2017

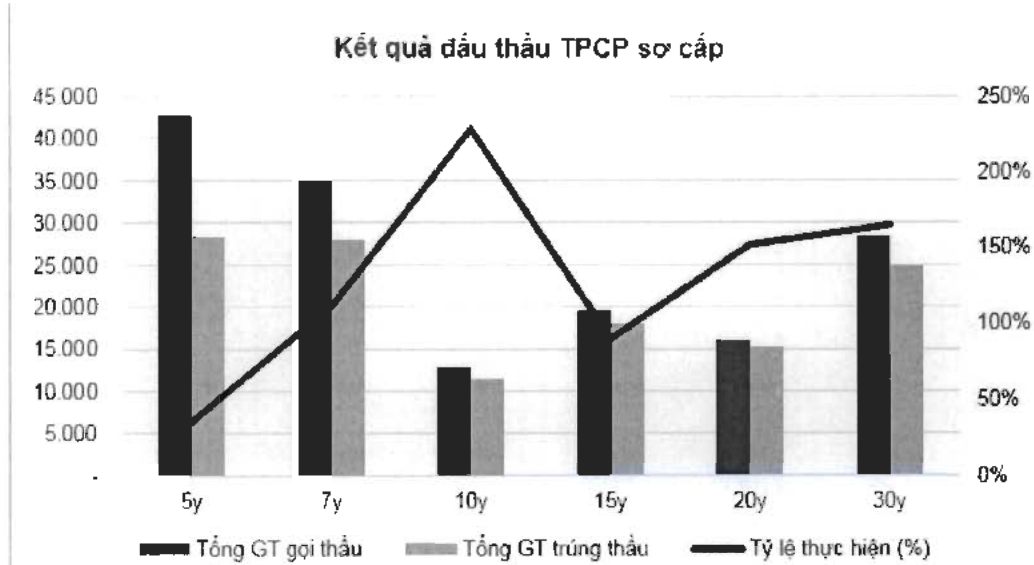
Trên thị trường sơ cấp, giá trị trúng thầu toàn thị trường đạt 125.745 tỷ đồng, chỉ hoàn thành 81% kế hoạch nửa đầu năm 2017, trong đó tập trung chủ yếu vào kỳ hạn 5 năm và 7 năm (tương ứng đạt 28.299 tỷ và 28.030 tỷ đồng). Bên cạnh đó, hầu hết các kỳ hạn đều vượt kế hoạch phát hành năm với tỷ lệ thực hiện của các kỳ hạn dài từ 10 năm trở lên đều rất cao (150-200% kế hoạch năm). Nguyên nhân do lợi suất của các kỳ hạn này tương đối hấp dẫn, so với mức lợi suất thấp của các trái phiếu kỳ hạn ngắn.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

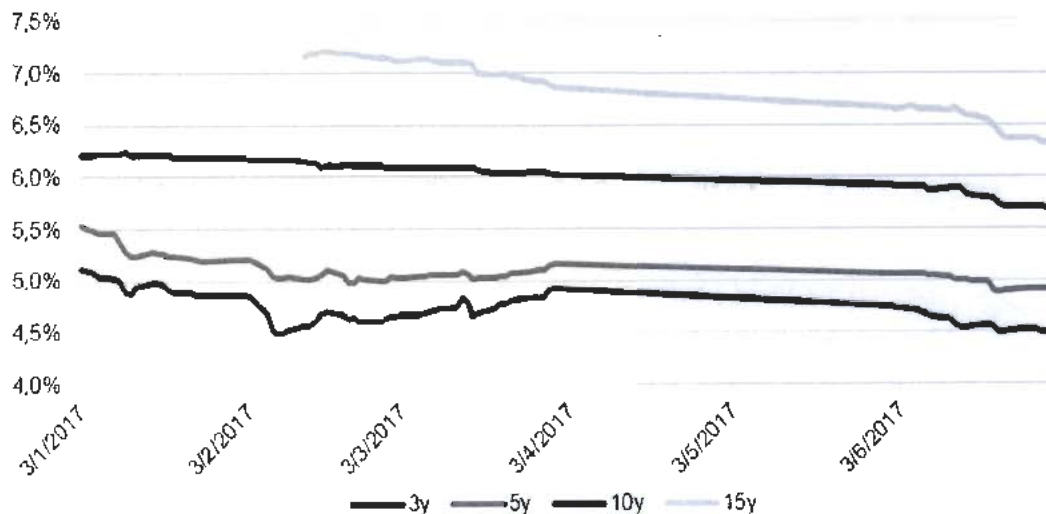
3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

Thị trường trái phiếu 6 tháng đầu năm 2017 (tiếp theo)



Nguồn: HNX

Thị trường trái phiếu Chính phủ thứ cấp 6 tháng đầu năm 2017 diễn ra thuận lợi với lợi suất trái phiếu giảm mạnh, đặc biệt là các trái phiếu kỳ hạn dài. Tính đến đầu tháng 6/2017, kỳ hạn 20 năm có lãi suất giảm mạnh nhất so với cuối năm 2016 (giảm 1.03%/năm), tiếp đến là kỳ hạn 15 năm (giảm 0,9%/năm) và kỳ hạn 30 năm (giảm 0,88%/năm). Các kỳ hạn còn lại đều có mức giảm khá lớn (0,3-0,4%/năm). Thêm vào đó, xu hướng đầu tư tập trung vào trái phiếu kỳ hạn dài. So với năm 2016, kỳ hạn phát hành bình quân của TPCP đã được kéo dài hơn - đạt 13,8 năm, tăng 5,53 năm. Tỷ lệ trúng thầu của các kỳ hạn từ 15 năm trở lên chiếm tới 55,2% tổng khối lượng trúng thầu toàn thị trường.



Nguồn: VBMA

Thanh khoản hệ thống dư thừa giai đoạn sau Tết Nguyên đán và kể từ tháng 5/2017. Lợi suất các kỳ hạn ngắn thấp nhất trong 5 năm trở lại đây trong khi gap giữa lãi suất OMO và trái phiếu kỳ hạn dài khá hấp dẫn. Lợi tức trái phiếu 20-30 năm ở mức 6,6-7,1%/năm, trong khi lãi suất vay vốn qua OMO chỉ ở mức 5% (tương đương lợi tức đầu tư trái phiếu 5 năm). Do vậy, trong bối cảnh các yếu tố vĩ mô được duy trì ổn định như hiện nay thì các NHTM Việt Nam đều có thể thu được lợi nhuận từ sự chênh lệch lãi suất.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

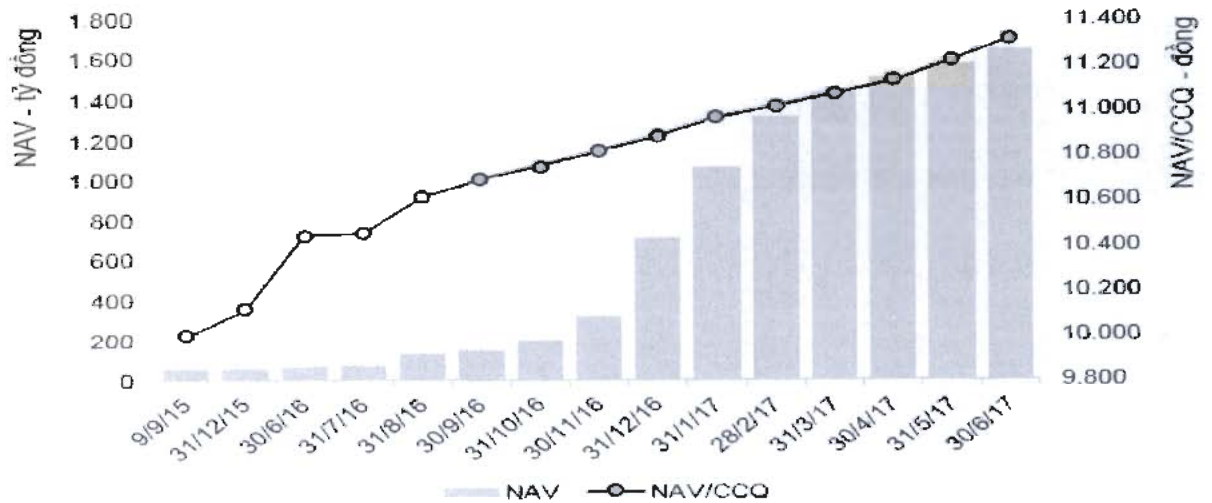
BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	28,87%	159,24%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	18,04%	53,40%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	8,33%	13,12%
Tăng trưởng hàng năm (%) /1 đơn vị CCQ	8,33%	36,22%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	1.099,77%	832,08%

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng cho giai đoạn từ khi thành lập tới ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Quỹ:



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	1.650.556.435.751	70.896.369.894	2.228,13%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	11.312,02	10.442,62	8,33%

4.2 Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo:

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	170	324.964,22	0,22 %
Từ 5.000 đến 10.000	136	1.147.655,25	0,79 %
Từ 10.000 đến 500.000	1.167	106.057.191,45	72,69 %
Trên 500.000	36	38.381.810,36	26,30 %
Tổng cộng	1.509	145.911.621,28	100%

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Năm 2017, dự báo nền kinh tế Việt Nam sẽ có nhiều khởi sắc. Với tình hình thanh khoản dồi dào trong hệ thống, trong Quý III/2017 lãi suất TPCP dự báo có xu hướng đi ngang ở kỳ hạn ngắn và giảm ở kỳ hạn dài, trong đó kỳ hạn 5 năm quanh mức 4,9% và kỳ hạn 30 năm ở mức khoảng 7%. Bên cạnh đó, với triển vọng kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, CPI được kiểm soát dưới mức 4% và chính sách tiền tệ được nới lỏng thêm là các yếu tố hỗ trợ cho xu hướng lãi suất trong giai đoạn này.

Đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sẽ xây dựng và triển khai vận hành website công bố thông tin trái phiếu doanh nghiệp trong Quý IV/2017. Bên cạnh đó, Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA) dự kiến thành lập công ty xếp hạng tín nhiệm trái phiếu doanh nghiệp, qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bên cạnh thị trường trái phiếu Chính phủ Việt Nam trong thời gian tới.

6. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về Ban Đại diện Quỹ

Ông Nguyễn Xuân Minh
Chủ tịch

Ông Minh có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và quản lý quỹ. Ông là thành viên sáng lập Công ty Quản lý Quỹ Vietnam Asset Management – VAM, giữ chức vụ Giám đốc điều hành và Chủ tịch Hội đồng Đầu tư. Ông có 10 năm kinh nghiệm tại Công ty Franklin Templeton Investments (chức vụ: Trưởng đại diện tại Việt Nam; Phó Chủ tịch cao cấp tại Singapore). Ông hiện là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương.

Ông Minh có bằng Thạc sĩ chuyên ngành Dầu khí tại Liên bang Nga và Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính ứng dụng và Đầu tư – Đại học học Chứng khoán Úc. Ông Minh có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và Chứng chỉ CFA từ năm 2003.

Ông Đặng Thế Đức
Thành viên

Ông Đức có hơn 18 năm kinh nghiệm hành nghề luật kinh doanh tại Việt Nam, trong đó tập trung vào đầu tư trong nước, giao dịch doanh nghiệp, cổ phần tư nhân, M&A, chứng khoán, giao dịch thị trường vốn và tài trợ dự án. Ông Đức đã tư vấn cho một số quỹ đầu tư nước ngoài và địa phương lớn và nhà quản lý quỹ liên quan đến cơ cấu kinh doanh, các giao dịch M&A tại Việt Nam.

Ông Đức hiện là Giám đốc điều hành (Managing Partner) tại Công ty Tư vấn luật Indochine Counsel; nhà phân tích thường xuyên cho các tạp chí kinh doanh hàng đầu tại Việt Nam (Kinh tế Sài Gòn, Nhịp cầu đầu tư, Đầu tư chứng khoán).

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Thông tin về Ban Đại diện Quỹ (tiếp theo)

Bà Nguyễn Thị Vĩnh Hà

Thành viên

Bà Hà có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Bà Hà gia nhập Công ty Kiểm toán Grant Thornton (Việt Nam) từ năm 1996, bà Hà đã đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng như Chủ nhiệm Kiểm toán, Chủ nhiệm Kiểm toán cao cấp, Giám đốc Kiểm toán và hiện là Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam).

Bà Hà tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân chuyên ngành Kế toán; Đại học Ngoại ngữ Hà Nội chuyên ngành Tiếng Anh. Bà Hà đã có chứng chỉ Kiểm toán viên, chứng chỉ Thẩm định giá của Bộ Tài Chính đồng thời đạt các chứng chỉ kiểm toán và tài chính cấp quốc tế như ACCA của Hiệp hội kế toán công chứng Anh và CFA của học viện CFA Hoa Kỳ từ năm 2012.



Ông Đặng Lưu Dũng
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Techcom (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, với sự hiểu biết của chúng tôi, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2017, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

Theo Khoản 10 Điều 1 Thông tư 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 01 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC và Điều 10, Điều lệ quỹ quy định: “ Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi”. Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại các kỳ định giá từ ngày 23 tháng 05 năm 2017 đến ngày 08 tháng 06 năm 2017, cơ cấu đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư và Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp. Tại kỳ định giá ngày 13 tháng 06 năm 2017, Công ty quản lý quỹ đã điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, cơ cấu đầu tư của Quỹ đã tuân thủ các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn sáu tháng đầu năm 2017, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017



ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Lê Sỹ Hoàng

**Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán
Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
Head Office**

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Hương Giang

Phụ trách Bộ phận Giám sát

Số tham chiếu: 61273533/19428743-TCBF-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Nhà Đầu tư**
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom ("Quỹ"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 14 đến trang 51, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và tình hình đầu tư giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

302-
IG T
NH
& Y
T N
NH
À N
IEM-

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
1	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		64.362.857.909	3.200.394.740
3	1.1. Tiền lãi được nhận		53.879.565.995	1.816.726.229
4	1.2. Lãi bán các khoản đầu tư	5	3.648.282.434	875.513.704
5	1.4. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	6.835.009.480	508.154.807
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		288.481.225	106.016.725
11	2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	7	288.481.225	106.016.725
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		11.236.619.716	1.015.486.706
20.1	3.1. Phí quản lý quỹ mở	20.1	10.058.033.831	487.185.822
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở	20.2	219.187.156	78.129.128
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát	20.2	368.794.573	132.000.000
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	20.2	295.035.661	118.800.000
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		66.000.000	66.000.000
20.7	3.7. Chi phí họp Đại hội Quỹ mở		39.671.227	33.899.557
20.8	3.8. Chi phí kiểm toán		27.273.985	27.349.732
20.10	3.10. Chi phí hoạt động khác	8	162.623.283	72.122.467
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		52.837.756.968	2.078.891.309
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		52.837.756.968	2.078.891.309
31	6.1. Thu nhập đã thực hiện		46.002.747.488	1.570.736.502
32	6.2. Thu nhập chưa thực hiện	6	6.835.009.480	508.154.807
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		52.837.756.968	2.078.891.309

Người lập:

Bà Vũ Thanh Hằng
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:

Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đặng Lưu Dũng
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	11	319.534.242.615	213.739.818.771
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ		169.534.242.615	93.739.818.771
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		150.000.000.000	120.000.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần	10	1.304.020.180.966	568.948.068.851
121	2.1. Các khoản đầu tư		1.304.020.180.966	568.948.068.851
130	3. Các khoản phải thu	12	30.123.082.269	11.797.719.832
131	3.1. Phải thu về bán các khoản đầu tư		9.313.660.597	-
133	3.2. Phải thu, tiền lãi các khoản đầu tư		20.809.421.672	11.797.719.832
136	3.2.1. Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận		20.809.421.672	11.797.719.832
137	3.3. Phải thu khác		-	-
100	TỔNG TÀI SẢN		1.653.677.505.850	794.485.607.454
	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ và Công ty Quản lý Quỹ		664.445.126	30.167.989
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		66.738.072	3.278.298
317	7. Phải trả cho Nhà Đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	13	15.730.897	82.553.815.948
319	9. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	14	2.177.991.616	742.468.574
320	10. Phải trả khác	15	196.164.388	167.500.000
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		3.121.070.099	83.497.230.809
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		1.650.556.435.751	710.988.376.645
411	1. Vốn góp của Nhà Đầu tư	16	1.459.116.212.800	653.258.017.000
412	1.1. Vốn góp phát hành		1.732.068.678.000	719.281.857.500
413	1.2. Vốn góp mua lại		(272.952.465.200)	(66.023.840.500)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà Đầu tư		127.812.252.624	46.940.146.286
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	17	63.627.970.327	10.790.213.359
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		11.312,02	10.883,72
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
004	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	145.911.621,28	65.325.801,70

Người lập:



Bà Vũ Thanh Hằng
 Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:



Bà Phan Thị Thu Hằng
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đặng Lưu Dũng
 Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	710.988.376.645	62.222.490.113
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	52.837.756.968	2.078.891.309
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ mở trong năm	52.837.756.968	2.078.891.309
II.2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ mở cho Nhà Đầu tư trong năm	-	-
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	886.730.302.138	6.594.988.472
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	1.117.104.527.866	8.117.644.400
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(230.374.225.728)	(1.522.655.928)
IV	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	1.650.556.435.751	70.896.369.894

Người lập:



Bà Vũ Thanh Hằng
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:



Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:

Ông Đặng Lưu Dũng
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	TRÁI PHIẾU				
1	Trái phiếu doanh nghiệp - Masan	6	1.000.000.000	6.000.000.000	0,36%
2	Trái phiếu doanh nghiệp - MSN112020	30	1.000.341.110	30.010.233.300	1,81%
3	Trái phiếu doanh nghiệp - ANC11601	2.730.000	99.946	272.851.433.400	16,50%
4	Trái phiếu doanh nghiệp - TNTI	190.000	100.000	19.000.000.000	1,15%
5	Trái phiếu doanh nghiệp - NVL21603	8.660	92.383	800.036.780	0,05%
6	Trái phiếu doanh nghiệp - NVL21602	4.337	92.232	400.010.184	0,02%
7	Trái phiếu doanh nghiệp - NVL21604	67	87.568	5.867.071	0,00%
8	Trái phiếu doanh nghiệp - NVL11605	1.899.500	103.138	195.909.928.185	11,85%
9	Trái phiếu doanh nghiệp - VIC11707	865.095	102.891	89.010.290.673	5,38%
10	Trái phiếu doanh nghiệp - NVL11708	573.150	100.694	57.713.041.212	3,49%
11	Trái phiếu doanh nghiệp - VIC11504	1.212.000	103.990	126.035.783.040	7,62%
12	Trái phiếu doanh nghiệp - VIC11502	12.560	101.304	1.272.378.240	0,08%
13	Trái phiếu doanh nghiệp - VIC11503	14.513	101.719	1.476.240.881	0,10%
	Tổng			800.485.242.966	48,41%
II	CÁC TÀI SẢN KHÁC				
1	Phải thu lãi trái phiếu			12.091.574.452	0,73%
2	Phải thu lãi tiền gửi			8.717.847.220	0,53%
3	Phải thu khác			9.313.660.597	0,56%
	Tổng			30.123.082.269	1,82%

381
CÔ
NST
VIỆ
CHI
H
V KI

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
III	TIỀN				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở			319.534.242.615	19,32%
2	Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn			503.534.938.000	30,45%
	Tổng			823.069.180.615	49,77%
IV	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			1.653.677.505.850	100,00%

Người lập:



Bà Vũ Thanh Hằng
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:



Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đặng Lưu Dũng
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

802
NG T
NHH
& Y
T N
NHÀ
V N
M-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		52.837.756.968	2.078.891.309
02	Điều chỉnh cho các khoản giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư			
04	Chi phí trích trước		44.404.123	51.495.968
	Đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	(6.835.009.480)	(508.154.807)
05	2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		46.047.151.611	1.622.232.470
	Các thay đổi trong năm của các khoản phải thu, các khoản phải trả từ hoạt động đầu tư:			
06	- Tăng các khoản đầu tư		(728.237.102.635)	(19.814.358.193)
	- Tăng phải thu bán chứng khoán đầu tư		(9.313.660.597)	-
07	- (Tăng)/Giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(9.011.701.840)	2.325.755.165
08	- Giảm các khoản phải thu khác		-	985.078
10	- Tăng phải trả cho người bán		-	7.874.816.648
11	- Tăng/(Giảm) phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		634.277.137	(48.105.441)
13	- Tăng phải trả thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		63.459.774	521.007
14	- Giảm phải trả cho Nhà Đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		(82.538.085.051)	(250.100.000)
15	- Tăng/giảm phải trả cho Nhà Đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		-	84.906.989
16	- Tăng/giảm phải trả phải nộp khác		(15.739.735)	57.520.663
17	- Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở		1.435.523.042	9.243.335
19	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(780.935.878.294)	(8.136.582.279)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
21	Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ mở	16	1.117.104.527.866	8.117.644.400
22	Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ mở	16	(230.374.225.728)	(1.522.655.928)
30	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		886.730.302.138	6.594.988.472
40	III. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		105.794.423.844	(1.541.593.807)

001
Y
OUN
AM
NH
II
T.P.Y

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

B05g-QM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		213.739.818.771	13.830.204.871
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ			
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		213.739.818.771	13.569.384.871
53	- Tiền gửi của Nhà Đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		-	260.820.000
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	11	319.534.242.615	12.288.611.064
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ			
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		319.518.511.718	12.277.891.064
58	- Tiền gửi cho hoạt động mua bán của Nhà đầu tư		15.730.897	10.720.000
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		105.794.423.844	(1.541.593.807)

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:





Bà Vũ Thanh Hằng
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Ông Đặng Lưu Dũng
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ đầu tư Trái phiếu Techcom ("Quỹ") được thành lập ngày 8 tháng 9 năm 2015 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 19/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 8 tháng 9 năm 2015, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 40/UBCK-GP ngày 21 tháng 10 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và theo các giấy phép điều chỉnh.

Công ty được sở hữu 100% bởi Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam ("Ngân hàng mẹ"), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong kỳ đến thời điểm hiện tại của Công ty là quản lý danh mục đầu tư và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật. Công ty có Trụ sở chính tại tầng 10, Tòa nhà Techcombank, số 191, Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Ngân hàng giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng Trách Nhiệm Hữu Hạn một thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà Đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 60.653.750.000 VND, tương đương với 6.065.375.000 chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 1.459.116.212.800 VND tương đương với 145.911.621,28 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các loại tín phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp và các tài sản khác có lãi suất cố định. Trong nhiều trường hợp khác biệt, việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Quỹ.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Ngày định giá trước ngày 09 tháng 05 năm 2016 là Thứ Tư hàng tuần và sau đó là Thứ Ba hàng tuần cho kỳ định giá tuần, Kể từ ngày 22 tháng 03 năm 2017, ngày định giá diễn ra hai lần một tuần vào ngày Thứ Ba và ngày Thứ Năm và là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo đối với việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm theo luật định.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn đến xuống hai (02) chữ số thập phân.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch định kỳ vào thứ Ba hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc ("Ngày giao dịch"). Nếu ngày thứ Ba không phải là ngày làm việc thì Ngày giao dịch sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Hai, thì ngày giao dịch sẽ được chuyển sang thứ Ba ngay sau đó. Kể từ ngày 22 tháng 03 năm 2017, Quỹ tăng giao dịch 2 lần một tuần vào ngày Thứ Ba và ngày Thứ Năm hàng tuần. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu tư, đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi ngày giao dịch không phải là ngày làm việc trên trang thông tin điện tử của công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ. Việc thay đổi ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên website của Công ty Quản lý Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- ▶ Đầu tư tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên của Quỹ vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác;
- ▶ Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại; ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào công ty chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng được xác định theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
- ▶ Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ); cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- ▶ Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- ▶ Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- ▶ Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam; và
- ▶ Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại hiếm.

Trừ ba (03) trường hợp cuối kể trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- ▶ Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- ▶ Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
- ▶ Thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- ▶ Hoạt động hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- ▶ Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu tháng (06), tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.

Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát sinh sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Quỹ bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ là đồng Việt Nam ("VND").

2-00
TY
H
YOC
IAM
ÁN
ỘI
-1-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (Thông tư số 198) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 183/2011/TT-BTC (Thông tư số 183) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC (Thông tư số 15) ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183.

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ.

Do vậy, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 *Ước tính kế toán*

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (nhưng đang có kế hoạch niêm yết), trái phiếu có bảo lãnh Chính phủ và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng.

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo Thông tư số 198.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu trái tức, lãi lãi gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi không kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý.
- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi này cộng lãi chưa được thanh toán tính tới trước ngày định giá.
- ▶ Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ nợ khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán cộng lãi chưa thanh toán tính tới trước ngày định giá.
- ▶ Trái phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị hợp lý được xác định theo các nguyên tắc định giá được trình bày dưới đây.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Dự thu trái tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183, Thông tư 15 và sổ tay định giá được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá

- ▶ Tiền là số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được xác định là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, tín phiếu Kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu được xác định bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế);

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

▶ Trái phiếu chưa niêm yết:

Trái phiếu chưa niêm yết được xác định là giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cố định tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc

- ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

▶ Cổ phiếu

- i. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

▶ *Cổ phiếu (tiếp theo)*

- ii. Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- iii. Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch được định giá dựa trên:

Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, là một trong các mức sau:

- ✓ Giá trung bình từ các báo giá; hoặc
- ✓ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- iv. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch được xác định là một trong các giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- v. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể phá sản được xác định là một trong các mức giá sau:

- ✓ 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
- ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- vi. Cổ phần, phần vốn góp khác được định giá là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc
- ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

► *Chứng khoán phái sinh*

- ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trở lên giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

► *Các tài sản khác*

Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Lãi/(lỗ) do đánh giá lại các khoản đầu tư

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.5 Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quý có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quý có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà Đầu tư

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 VND.

Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quý do các Nhà Đầu tư góp vốn vào Quý theo phương thức mua chứng chỉ quỹ ở phát hành lần đầu và các lần tiếp theo. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà Đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà Đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quý phát sinh trong năm.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quý phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quý xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho Nhà Đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm.

Quý ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quý và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

2-00
TY
H
YOU
AM
ÁNH
ỘI
-1.9

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Trái tức

Thu nhập trái tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ khi quyền nhận trái tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty Chứng khoán và Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.9 Chi phí

Các chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

Giá dịch vụ quản lý

Giá dịch vụ quản lý được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý sẽ là 1,5% giá trị tài sản ròng một năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

Giá dịch vụ giám sát và lưu ký

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số tiền trả dịch vụ hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ Giám sát Quỹ sẽ là 0,05% giá trị tài sản ròng một năm và thấp nhất là 20.000.000 đồng/tháng chưa bao gồm thuế VAT.

Giá dịch vụ lưu ký sẽ là 0,03% giá trị tài sản ròng một năm và thấp nhất là 12.000.000 đồng/tháng không có thuế VAT.

Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán: 150.000 VND/giao dịch.

Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm các chi phí ngoài thông thường như giá dịch vụ thanh toán cho Trung tâm Lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Chi phí (tiếp theo)

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ sẽ là 0,04% giá trị tài sản ròng một năm và thấp nhất là 18.000.000 đồng/tháng chưa bao gồm thuế VAT.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

<u>STT</u>	<u>Loại phí</u>	<u>Mức phí (chưa bao gồm thuế VAT)</u>
1	Giá dịch vụ cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng
2	Giá dịch vụ giao dịch (mua, bán, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản)	
	- Đối với 400 giao dịch đầu tiên	Miễn phí
	- Đối với giao dịch từ số 401 trở đi	0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch (Giá trị giao dịch = số lượng chứng chỉ quỹ giao dịch x giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ mà Công ty Quản lý Quỹ công bố tại ngày giao dịch liền trước)
3	Giá dịch vụ thực hiện quyền	
	- Lập danh sách thực hiện quyền	1.000.000 đồng/lần lập danh sách
	- Phân phối cổ tức	Miễn phí

Phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí trên không bao gồm các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại diện Quỹ khi thực hiện nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện đã được thông qua tại Đại hội Nhà Đầu tư.

Chi phí khác

Chi phí khác được Pháp luật cho phép.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. Giao dịch trả cổ tức cho Nhà Đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà Đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của Pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

b. Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ Nhà Đầu tư là tổ chức trong nước. Các Nhà Đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

4.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Tổng giá trị thu từ việc bán các khoản đầu tư VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến ngày giao dịch gần nhất VND	Lãi bán chứng khoán cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
Trái phiếu	756.507.692.210	751.528.491.172	4.979.201.038
Chứng chỉ tiền gửi	198.309.245.898	199.640.164.502	(1.330.918.604)
	954.816.938.108	951.168.655.674	3.648.282.434

6. CHÈNH LỆCH TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Chênh lệch điều chỉnh số cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
Trái phiếu	793.059.951.689	800.485.242.966	7.425.291.277	590.282.195	6.835.009.082
Chứng chỉ tiền gửi	503.534.937.861	503.534.938.000	139	(259)	398
	1.296.594.889.550	1.304.020.180.966	7.425.291.416	590.281.936	6.835.009.480

7. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
Phí môi giới mua cổ phiếu, trái phiếu	285.971.854	105.746.724
Phí thanh toán bù trừ tại VSD	2.509.371	270.001
	288.481.225	106.016.725

8. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
Giá dịch vụ quản lý thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	4.958.911	4.972.679
Giá dịch vụ ngân hàng	54.102.737	7.429.125
Thủ lao Ban Đại diện Quỹ	103.561.635	57.520.663
Giá dịch vụ báo cáo thường niên	-	2.200.000
	162.623.283	72.122.467

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TỶ LỆ GIAO DỊCH QUA TỪNG CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Chi tiết giá trị giao dịch và chi phí giao dịch theo từng công ty môi giới chính trong kỳ như sau:

STT	Các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong năm	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Giá dịch vụ giao dịch bình quân	Giá dịch vụ giao dịch bình quân trên thị trường
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo của Quỹ VND		
1	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Tp Hồ Chí Minh	Không liên quan	263.948.500.000	1.740.136.915.470	0,020%	0,020%
2	Công ty Cổ phần Chứng Khoán MB	Không liên quan	489.486.605.871	1.740.136.915.470	0,017%	0,020%
3	Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDirect	Không liên quan	592.213.554.722	1.740.136.915.470	0,015%	0,020%
4	Công ty TNHH Chứng Khoán Kỹ thương (TCBS)	Cùng chủ sở hữu là Ngân hàng mẹ	291.551.446.965	1.740.136.915.470	0,020%	0,020%
5	Công ty Chứng Khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)	Không liên quan	102.936.807.912	1.740.136.915.470	0,000%	0,020%
Tổng cộng			1.740.136.915.470	1.740.136.915.470	100,00%	

BIÊN
 CÔNG
 TẬP
 HI N
 HÀ
 KIẾN

Quý Đầu tư Trái phiếu Techcom

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

Chi tiết các khoản đầu tư của Quý tại Ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

STT	Trái phiếu	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	(Giảm) VND	
1	Trái phiếu doanh nghiệp - Masan	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
2	Trái phiếu doanh nghiệp - MSN112020	30.010.233.333	30.010.233.300	-	(33)	30.010.233.300
3	Trái phiếu doanh nghiệp - ANC11601	273.210.901.112	272.851.433.400	-	(359.467.712)	272.851.433.400
4	Trái phiếu doanh nghiệp - TNTI	19.000.000.000	19.000.000.000	-	-	19.000.000.000
5	Trái phiếu doanh nghiệp - NVL21603	800.036.780	800.036.780	-	-	800.036.780
6	Trái phiếu doanh nghiệp - NVL21602	400.010.184	400.010.184	-	-	400.010.184
7	Trái phiếu doanh nghiệp - NVL21604	5.867.071	5.867.071	-	-	5.867.071
8	Trái phiếu doanh nghiệp - NVL11605	191.103.483.091	195.909.928.185	4.806.445.094	-	195.909.928.185
9	Trái phiếu doanh nghiệp - VIC11707	86.510.220.912	89.010.290.673	2.500.069.761	-	89.010.290.673
10	Trái phiếu doanh nghiệp - NVL11708	57.713.042.531	57.713.041.212	-	(1.319)	57.713.041.212
11	Trái phiếu doanh nghiệp - VIC11504	125.580.741.555	126.035.783.040	455.041.485	-	126.035.783.040
12	Trái phiếu doanh nghiệp - VIC11502	1.270.301.357	1.272.378.240	2.076.883	-	1.272.378.240
13	Trái phiếu doanh nghiệp - VIC11503	1.455.113.763	1.476.240.881	21.127.118	-	1.476.240.881
	Tổng	793.059.951.689	800.485.242.966	7.784.760.341	(359.469.064)	800.485.242.966
	Chứng chỉ tiền gửi	503.534.937.861	503.534.938.000	139	-	503.534.938.000
	Tổng cộng	1.296.594.889.550	1.304.020.180.966	7.784.760.480	(359.469.064)	1.304.020.180.966

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, chứng chỉ tiền gửi là chứng chỉ tiền gửi do Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng phát hành có thời hạn 12 và 18 tháng với lãi suất 10,00%/năm và 11,10%/năm và Tổ chức Home Credit Việt Nam phát hành có thời hạn 12 tháng với lãi suất 13,175%/năm và 9,10%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại:		
- Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	169.518.511.718	11.186.002.823
Tiền gửi cho hoạt động mua bán của Nhà Đầu tư	15.730.897	82.553.815.948
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	150.000.000.000	120.000.000.000
	<u>319.534.242.615</u>	<u>213.739.818.771</u>

12. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>
Phải thu thu lãi trái phiếu	12.091.574.452	10.560.108.720
Phải thu lãi tiền gửi	8.717.847.220	1.237.611.112
Phải thu khác	9.313.660.597	-
	<u>30.123.082.269</u>	<u>11.797.719.832</u>

13. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>
Phải trả Nhà Đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	15.730.897	82.553.815.948
	<u>15.730.897</u>	<u>82.553.815.948</u>

14. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>
Phải trả giá dịch vụ quản lý	1.969.191.174	644.710.690
Phải trả giá dịch vụ lưu ký tài sản	39.383.825	13.903.436
Phải trả giá dịch vụ quản trị quỹ	57.762.941	21.614.814
Phải trả giá dịch vụ giám sát	72.203.676	25.489.634
Phải trả giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng	33.000.000	33.000.000
Phải trả giá dịch vụ giao dịch	6.450.000	3.750.000
	<u>2.177.991.616</u>	<u>742.468.574</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>
Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	44.260.265	60.000.000
Phải trả phí công tác của Ban Đại diện Quỹ	119.671.227	80.000.000
Phải trả phí kiểm toán	27.273.985	27.500.000
Phải trả giá dịch vụ quản lý thường niên	4.958.911	-
	196.164.388	167.500.000

16. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>	<i>Phát sinh trong kỳ VND</i>	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>
Vốn góp phát hành			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	71.928.185,75	101.278.682,05	173.206.867,80
Giá trị ghi theo mệnh giá	719.281.857.500	1.012.786.820.500	1.732.068.678.000
Thặng dư vốn	51.580.849.932	104.317.707.366	155.898.557.298
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	770.862.707.432	1.117.104.527.866	1.887.967.235.298
Vốn góp mua lại			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	(6.602.384,05)	(20.692.862,47)	(27.295.246,52)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(66.023.840.500)	(206.928.624.700)	(272.952.465.200)
Thặng dư vốn	4.640.703.646	23.445.601.028	28.086.304.674
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(70.664.544.146)	(230.374.225.728)	(301.038.769.874)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	65.325.801,70		145.911.621,28
Giá trị vốn góp hiện hành	700.198.163.286		1.586.928.465.424
Lợi nhuận chưa phân phối	10.790.213.359		63.627.970.327
NAV hiện hành	710.988.376.645		1.650.556.435.751
NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ	10.883,72		11.312,02

Quỹ được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 01/GCN-UBCK, vốn điều lệ ban đầu của Quỹ là 60.653.750.000 VND, tương ứng với 6.065.375.000,00 chứng chỉ quỹ theo mệnh giá là 10.000 VND/một chứng chỉ quỹ.

THUY THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Thu nhập đã thực hiện	56.202.678.911	10.199.931.423
Thu nhập chưa thực hiện	7.425.291.416	590.281.936
	63.627.970.327	10.790.213.359

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND
1	01/01/2017	710.988.376.645	65.325.801,70	10.883,72	-
2	03/01/2017	711.206.025.321	65.325.801,70	10.887,06	3,34
3	10/01/2017	795.459.336.611	72.960.913,04	10.902,54	15,48
4	17/01/2017	908.203.042.978	83.025.709,48	10.938,81	36,27
5	24/01/2017	986.172.532.888	90.169.370,88	10.936,89	(1,92)
6	31/01/2017	1.061.154.353.483	96.785.445,75	10.963,98	27,09
7	01/03/2017	1.061.327.309.526	96.785.445,75	10.965,77	1,79
8	07/02/2017	1.062.196.202.961	96.785.445,75	10.974,75	8,98
9	14/02/2017	1.155.330.436.133	105.246.270,35	10.977,40	2,65
10	21/02/2017	1.216.217.394.466	110.520.713,54	11.004,42	27,02
11	28/02/2017	1.290.823.283.843	117.128.160,15	11.020,60	16,18
12	01/03/2017	1.313.687.362.068	119.239.756,20	11.017,19	(3,41)
13	07/03/2017	1.315.445.545.814	119.239.756,20	11.031,93	14,74
14	14/03/2017	1.351.672.211.256	122.644.132,94	11.021,09	(10,84)
15	21/03/2017	1.372.021.656.267	124.090.217,80	11.056,64	35,55
16	23/03/2017	1.392.764.533.256	126.074.638,90	11.047,14	(9,50)
17	28/03/2017	1.401.600.037.782	126.730.592,58	11.059,68	12,54
18	30/03/2017	1.421.273.305.470	128.537.837,24	11.057,23	(2,45)
19	01/04/2017	1.428.262.005.565	129.005.751,44	11.071,30	14,07
20	04/04/2017	1.429.113.326.625	129.005.751,44	11.077,90	6,60
21	06/04/2017	1.446.770.442.544	130.522.947,22	11.084,41	6,51
22	11/04/2017	1.446.868.383.019	130.522.947,22	11.085,16	0,75
23	13/04/2017	1.465.639.037.789	132.180.294,00	11.088,18	3,02
24	18/04/2017	1.477.944.840.967	133.101.328,86	11.103,90	15,72
25	20/04/2017	1.486.733.325.228	133.836.601,90	11.108,57	4,67
26	25/04/2017	1.485.414.566.054	133.802.522,99	11.101,54	(7,03)
27	27/04/2017	1.516.694.070.923	136.398.863,93	11.119,55	18,01
28	01/05/2017	1.509.635.388.748	135.641.884,75	11.129,56	10,01
29	04/05/2017	1.509.567.678.553	135.641.884,75	11.129,06	(0,50)
30	09/05/2017	1.520.110.285.936	136.498.638,06	11.136,45	7,39
31	11/05/2017	1.534.173.371.973	137.312.217,06	11.172,88	36,43
32	16/05/2017	1.544.681.468.812	138.686.914,50	11.137,90	(34,98)
33	18/05/2017	1.557.750.987.502	139.663.992,32	11.153,56	15,66
34	23/05/2017	1.570.625.535.231	140.643.493,70	11.167,42	13,86
35	25/05/2017	1.575.501.232.681	140.602.315,38	11.205,37	37,95
36	30/05/2017	1.574.070.548.169	140.323.721,72	11.217,42	12,05
37	01/06/2017	1.574.364.050.751	140.308.157,17	11.220,75	3,33
38	06/06/2017	1.566.411.056.971	140.018.683,82	11.187,15	(33,60)
39	08/06/2017	1.578.117.901.996	140.451.510,26	11.236,03	48,88

THUY THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng (giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND
40	14/06/2017	1.580.945.305.250	140.844.650,72	11.224,74	(11,29)
41	16/06/2017	1.582.202.658.567	140.575.649,26	11.255,16	30,42
42	21/06/2017	1.593.057.542.005	141.416.442,84	11.265,00	9,84
43	23/06/2017	1.604.080.916.362	142.167.596,25	11.283,02	18,02
44	28/06/2017	1.621.702.828.650	143.371.710,67	11.311,17	28,15
45	30/06/2017	1.633.974.295.577	144.809.747,18	11.283,59	(27,58)
46	01/07/2017	1.650.556.435.751	145.911.621,28	11.312,02	28,43

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ:
 1.397.367.201.296

Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ:

► Mức cao nhất trong kỳ (VND)	48,88
> Mức thấp nhất trong kỳ (VND)	(0,50)

19. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i> <i>chứng chỉ quỹ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i> <i>chứng chỉ quỹ</i>
Loại hơn 1 năm	145.911.621,28	65.325.801,70
	145.911.621,28	65.325.801,70

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

20.1 Các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương	Công ty Quản lý Quỹ	Giá dịch vụ quản lý	10.058.033.831	487.185.822
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương	Cùng chủ sở hữu là Ngân hàng mẹ	Giá dịch vụ môi giới	58.310.284	64.013.889

Giá dịch vụ quản lý là 1,5% giá trị tài sản ròng một năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

Số dư trọng yếu với bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
			Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương	Công ty Quản lý Quỹ
		Phải trả giá dịch vụ phát hành chứng chỉ quỹ	-	48.260.000
		Phải trả giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ	664.445.126	30.167.989

THUY THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

20.2 Các hợp đồng then chốt khác

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng Giám sát	Giá dịch vụ giám sát	368.794.573	132.000.000
		Giá dịch vụ lưu ký	205.837.156	72.129.128
		Giá dịch vụ giao dịch	13.350.000	6.000.000
		Giá dịch vụ quản trị Quỹ	295.035.661	118.800.000

Số dư trọng yếu tại thời điểm cuối kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi ngân hàng	169.534.242.615	93.739.818.771
		Giá dịch vụ lưu ký phải trả	39.383.825	13.903.436
		Giá dịch vụ giám sát phải trả	72.203.676	25.489.634
		Giá dịch vụ quản trị Quỹ phải trả	57.762.941	21.614.814

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào trái phiếu có kế hoạch đăng ký niêm yết, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà Đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Đại diện quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

902-
IG T
VHH
& Y
Γ NA
THÁ
NỘ
M =

THUY THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quý. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quý nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quý quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quý và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quý không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do các khoản tiền gửi và chứng khoán nợ của Quý có lãi suất cố định tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Rủi ro tiền tệ

Quý không có rủi ro tiền tệ do trong giai đoạn từ ngày giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 do Quý không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá trái phiếu

Các trái phiếu do Quý nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quý quản lý giá rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện Quý xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

DO
Y
HUN
M
VH
I
P.V

THUY THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm trái phiếu và tiền gửi ngân hàng.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các loại trái phiếu Quỹ nắm giữ là trái phiếu của các doanh nghiệp lớn tại Việt Nam đang có kế hoạch niêm yết.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	Không kỳ hạn VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 đến 12 tháng VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017						
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ và Công ty Quản lý Quỹ	-	664.445.126	-	-	-	664.445.126
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	66.738.072	-	-	-	66.738.072
Phải trả cho Nhà Đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	-	15.730.897	-	-	-	15.730.897
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	-	2.177.991.616	-	-	-	2.177.991.616
Phải trả khác	-	196.164.388	-	-	-	196.164.388
	-	3.121.070.099	-	-	-	3.121.070.099
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016						
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ và Công ty Quản lý Quỹ	-	30.167.989	-	-	-	30.167.989
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	3.278.298	-	-	-	3.278.298
Phải trả cho Nhà Đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	-	82.553.815.948	-	-	-	82.553.815.948
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	-	742.468.574	-	-	-	742.468.574
Phải trả khác	-	167.500.000	-	-	-	167.500.000
	-	83.497.230.809	-	-	-	83.497.230.809

THUY THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính giữa niên độ Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và những chỉ tiêu liên quan chỉ áp dụng cho phần thuyết minh này. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ vẫn được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở theo quy định tại Thông tư số 198 và Thông tư số 183 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, thành một trong các loại sau:

▶ ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập:***

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

▶ ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:***

- (i) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- (ii) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- (iii) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

THUY THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

- ▶ **Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:**
 - (i) Các tài sản tài chính mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tại thời điểm ghi nhận ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
 - (ii) Các tài sản tài chính được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
 - (iii) Các tài sản tài chính mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng.
- ▶ **Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:**
 - (i) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
 - (ii) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
 - (iii) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành:

- ▶ **Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo thu nhập:**
 Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ▶ **Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phi phân bổ**, bao gồm các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là các khoản nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nêu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2017:

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính		
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh		
- Trái phiếu	800.485.242.966	800.485.242.966
- Chứng chỉ tiền gửi	503.534.938.000	503.534.938.000
Tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu		
- Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động quỹ mở	169.534.242.615	169.534.242.615
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	150.000.000.000	150.000.000.000
- Phải thu về bán các khoản đầu tư	9.313.660.597	9.313.660.597
- Dự thu trái tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	20.809.421.672	20.809.421.672
	1.653.677.505.850	1.653.677.505.850
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả phí cho Công ty Quản lý Quỹ	664.445.126	664.445.126
Phải trả cho Nhà Đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	15.730.897	15.730.897
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	2.177.991.616	2.177.991.616
Phải trả khác	196.164.388	196.164.388
	3.054.332.027	3.054.332.027

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính		
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh		
- Trái phiếu	435.122.671.891	435.122.671.891
- Chứng chỉ tiền gửi	98.825.396.960	98.825.396.960
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng	35.000.000.000	35.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu		
- Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động quỹ mở	93.739.818.771	93.739.818.771
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	120.000.000.000	120.000.000.000
- Dự thu trái tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	11.797.719.832	11.797.719.832
	794.485.607.454	794.485.607.454
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả phí cho Công ty Quản lý Quỹ	30.167.989	30.167.989
Phải trả cho Nhà Đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	82.553.815.948	82.553.815.948
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	742.468.574	742.468.574
Phải trả khác	167.500.000	167.500.000
	83.493.952.511	83.493.952.511

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả nhà cung cấp và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá gốc trừ đi dự phòng (nếu có) của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

23. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	Chỉ tiêu	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	1,44%	1,49%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS và VSD/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,08%	0,64%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,06%	0,57%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,00%	0,08%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,02%	0,18%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	1,61%	3,11%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ/2	174,23%	498,30%

102-
G T
JHH
& YC
NA
HÁI
NỘ
M = T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT (tiếp theo)

STT	Chỉ tiêu	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
II	Các chỉ tiêu khác		
1	Quy mô quỹ đầu kỳ Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	653.258.017.000	61.496.199.600
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	65.325.802,7	6.149.619,96
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu	-	-
	Giá trị vốn huy động từ đợt phát hành lần đầu (theo mệnh giá)	-	-
	Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ	101.278.682,05	787.179,47
	Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ (theo mệnh giá)	1.012.786.820.500	7.871.794.700
	Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ	(20.692.862,47)	(147.668,73)
	Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của Nhà Đầu tư (theo mệnh giá)	(206.928.624.700)	(1.476.687.300)
3	Quy mô quỹ cuối kỳ Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ theo mệnh giá	1.459.116.212.800	67.891.307.000
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	145.911.621,28	6.789.130,70
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ	0,00%	0,09%
II	Các chỉ tiêu khác		
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 Nhà Đầu tư lớn nhất cuối kỳ	12,86%	98,40%
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu tư nước ngoài cuối kỳ	0,64%	0,33%
7	Số Nhà Đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ, kể cả giao dịch ký danh	1,509	64
8	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối kỳ	11.312,02	10.442,62

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Quỹ và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 yêu cầu phải trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Bà Vũ Thanh Hằng
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Ông Đặng Lưu Dũng
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

